

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 71/2011/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2011

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 6335
	Ngày: 29/8/11

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em về các hành vi vi phạm quyền trẻ em; trách nhiệm bảo đảm các quyền cơ bản của trẻ em; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng được hưởng các quyền cơ bản của trẻ em

1. Trẻ em là công dân Việt Nam được hưởng các quyền, thực hiện bổn phận theo quy định của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trẻ em là công dân Việt Nam trong thời gian sinh sống ở nước ngoài được hưởng các quyền và thực hiện bổn phận theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước nơi trẻ em đang sinh sống và điều ước quốc tế mà hai nước là thành viên.

3. Trẻ em là người nước ngoài trong thời gian cư trú tại Việt Nam được hưởng các quyền và thực hiện các bổn phận theo quy định của các điều ước quốc tế mà hai nước là thành viên.

Chương II **CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUYỀN TRẺ EM**

Điều 3. Cha, mẹ bỏ rơi con, người giám hộ bỏ rơi trẻ em được mình giám hộ

1. Sau khi sinh con, cha, mẹ bỏ con, không chăm sóc, nuôi dưỡng.
2. Cha, mẹ, người giám hộ không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng, cắt đứt quan hệ tình cảm và vật chất với trẻ em, trừ trường hợp cho trẻ em làm con nuôi hoặc bị buộc phải cách ly trẻ em theo quy định của pháp luật.
3. Cha, mẹ, người giám hộ cố ý bỏ rơi trẻ em ở nơi công cộng, bỏ mặc hoặc ép buộc trẻ em không sống cùng gia đình, bỏ mặc trẻ em tự sinh sống, không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em để trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

Điều 4. Dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc, khống chế trẻ em đi lang thang, lợi dụng trẻ em lang thang để trục lợi

1. Nói chuyện, viết, dịch, nhân bản sách, báo, tài liệu, tranh, ảnh, ghi âm, ghi hình, dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác nhằm dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc, khống chế trẻ em bỏ nhà đi lang thang dưới mọi hình thức.
2. Bắt trẻ em, tập hợp, chứa chấp trẻ em, cho thuê, cho mượn trẻ em để đi lang thang kiếm sống, ăn xin hoặc thực hiện các hoạt động khác nhằm mục đích trục lợi.

Điều 5. Dụ dỗ, lừa dối, ép buộc trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy; lôi kéo trẻ em đánh bạc; bán, cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất kích thích khác có hại cho sức khỏe

1. Nói chuyện, viết, dịch, nhân bản sách, báo, tài liệu, tranh, ảnh, ghi âm, ghi hình nhằm dụ dỗ, lôi kéo trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy, đánh bạc, sử dụng rượu, bia, thuốc lá, chất kích thích khác có hại cho sức khỏe và sự phát triển của trẻ em.
2. Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác, dùng các thủ đoạn nói dối, gian lận, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng uy quyền để dụ dỗ, lôi kéo trẻ em mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy hoặc để trẻ em chứng kiến việc sử dụng trái phép chất ma túy dưới mọi hình thức.

3. Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc các lợi ích khác để lôi kéo trẻ em đánh bạc; tổ chức cho trẻ em đánh bạc, để trẻ em chứng kiến, tham gia phục vụ đánh bạc dưới mọi hình thức.

4. Bán cho trẻ em, để trẻ em mua, bán, cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá, chất kích thích khác có hại cho sức khoẻ và sự phát triển của trẻ em.

Điều 6. Dụ dỗ, lừa dối, dẫn dắt, chứa chấp, ép buộc trẻ em hoạt động mại dâm; xâm hại tình dục trẻ em

1. Dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác, dùng thủ đoạn nói dối, gian lận, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng uy quyền để dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em hoạt động mại dâm hoặc chứng kiến, tham gia phục vụ hoạt động mại dâm.

2. Dẫn, chỉ dẫn, môi giới, tổ chức, xúi giục, chứa chấp, che giấu, cho thuê, cho mượn hoặc bố trí nơi để trẻ em hoặc sử dụng trẻ em hoạt động mại dâm, để trẻ em chứng kiến, tham gia phục vụ hoạt động mại dâm.

3. Cho trẻ em tiếp xúc với sản phẩm văn hoá, thông tin, truyền thông, đồ chơi, trò chơi, đồ dùng có nội dung khiêu dâm; tác động vào cơ thể trẻ em nhằm kích động tình dục trẻ em hoặc nhằm thoả mãn nhu cầu tình dục.

Điều 7. Lợi dụng, dụ dỗ, ép buộc trẻ em mua, bán, sử dụng văn hoá phẩm kích động bạo lực, đồi trụy; làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, tàng trữ văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em; sản xuất, kinh doanh đồ chơi, trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ em

1. Dùng quan hệ tình cảm, uy tín, sự phụ thuộc của trẻ em, nói dối, gian lận, dùng tiền, vật chất, uy tín hoặc lợi ích khác, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng uy quyền để dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em tiếp xúc, mua, bán, thuê, mượn, sử dụng, phát tán, tham gia sản xuất sản phẩm văn hoá, thông tin, truyền thông, đồ chơi, trò chơi, đồ dùng có nội dung bạo lực, đồi trụy, có hại cho sự phát triển của trẻ em.

2. Viết, dịch, sao chép, sản xuất, lưu hành, vận chuyển, kinh doanh, nhập khẩu, tàng trữ, phát tán, quảng cáo sản phẩm văn hoá, thông tin, truyền thông, đồ chơi, trò chơi, đồ dùng khiêu dâm trẻ em, kích động bạo lực, đồi trụy có hình ảnh trẻ em hoặc có sự tham gia của trẻ em gây nguy hiểm, có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ em.

3. Không thông báo hoặc không xác định tuổi của trẻ em không được tiếp xúc, sử dụng đối với sản phẩm văn hoá, thông tin, truyền thông, đồ chơi, trò chơi, chương trình phát thanh, truyền hình, nghệ thuật, điện ảnh có nội dung không phù hợp với trẻ em.

Điều 8. Hành hạ, ngược đãi, làm nhục, chiếm đoạt, bắt cóc, mua, bán, đánh tráo trẻ em; lợi dụng trẻ em vì mục đích trục lợi; xúi giục trẻ em thù ghét cha, mẹ, người giám hộ hoặc xâm phạm tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự của người khác

1. Xâm phạm thân thể, đánh đập, đối xử tồi tệ đối với trẻ em; bắt trẻ em nhịn ăn, uống, mặc rách, hạn chế vệ sinh cá nhân; giam hãm trẻ em; bắt trẻ em sống ở nơi có môi trường độc hại, nguy hiểm.

2. Gây tổn thương về tinh thần, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, lăng nhục, chửi mắng, đe dọa, làm nhục, cách ly, sao nhãng ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em.

3. Dùng các biện pháp trừng phạt để dạy trẻ em, làm trẻ em tổn thương, đau đớn về thể xác và tinh thần.

4. Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn khác để chiếm đoạt, bắt cóc trẻ em, cách ly trẻ em khỏi cha, mẹ, người giám hộ.

5. Thường xuyên đe dọa trẻ em bằng các hình ảnh, âm thanh, con vật, đồ vật làm trẻ em sợ hãi, tổn thương về tinh thần.

6. Mua, bán trẻ em dưới mọi hình thức.

7. Đánh tráo trẻ em vì bất cứ mục đích gì.

8. Xúi giục, kích động, lừa dối trẻ em dưới mọi hình thức làm cho trẻ em thù ghét cha, mẹ, người giám hộ.

9. Xúi giục, kích động, lừa dối trẻ em xâm phạm tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự của người khác.

Điều 9. Lạm dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại, làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động

1. Cha, mẹ, người giám hộ, người nhận nuôi dưỡng trẻ em bắt trẻ em làm công việc gia đình quá sức, quá thời gian, ảnh hưởng đến việc học tập, vui chơi, giải trí, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em hoặc bắt trẻ em làm những công việc mà pháp luật không cho phép.

2. Người nhận dạy nghề cho trẻ em bắt trẻ em làm công việc quá sức, nặng nhọc, quá thời gian, trong môi trường độc hại, nguy hiểm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em.

3. Sử dụng lao động trẻ em không trả công hoặc trả công không tương xứng, không có cam kết của cha, mẹ, người giám hộ, không có hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật; bắt trẻ em lao động quá sức, quá thời gian, nặng nhọc, trong môi trường độc hại, nguy hiểm; sử dụng trẻ em làm những công việc trái với quy định của pháp luật về lao động.

4. Sử dụng trẻ em làm những công việc trong vũ trường, cơ sở xoa bóp, vật lý trị liệu, sòng bạc, nhà hàng ka-ra-ô-kê, quán rượu, quán bia hoặc những nơi có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của trẻ em.

5. Sử dụng trẻ em để mua, bán, vận chuyển hàng giả, hàng cấm, hàng trốn thuế.

6. Để trẻ em tham gia, sử dụng trẻ em trong sản xuất, kinh doanh, phổ biến sản phẩm văn hoá, thông tin, truyền thông, đồ chơi, trò chơi, đồ dùng có nội dung bạo lực, đồi trụy, nguy hiểm, không phù hợp hoặc có hại cho sự phát triển của trẻ em.

Điều 10. Cản trở việc học tập của trẻ em

1. Lợi dụng uy tín, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc sử dụng vật chất, uy quyền để dụ dỗ, lôi kéo, ép buộc trẻ em bỏ học, nghỉ học.

2. Bắt buộc, dụ dỗ trẻ em bỏ học, nghỉ học để gây áp lực, khiêu kiện, biểu tình trái pháp luật.

3. Gây rối, cản trở hoạt động của cơ sở giáo dục, phá hoại cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập, giảng dạy của các cơ sở giáo dục.

4. Cố tình không thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho việc học tập của trẻ em theo quy định của pháp luật, không bảo đảm thời gian, điều kiện học tập cho trẻ em.

5. Huỷ hoại sách, vở, đồ dùng học tập của trẻ em.

6. Từ chối tiếp nhận hoặc gây áp lực để cản trở việc tiếp nhận trẻ em khuyết tật có khả năng học tập, trẻ em nhiễm, nghi nhiễm, có nguy cơ hoặc có cha, mẹ nhiễm HIV được vào học tại các cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Áp dụng biện pháp có tính chất xúc phạm, hạ thấp danh dự, nhân phẩm hoặc dùng nhục hình đối với trẻ em vi phạm pháp luật

1. Lãng nhục, chửi mắng, bắt làm những việc có tính chất xúc phạm, hạ thấp danh dự, nhân phẩm đối với trẻ em vi phạm pháp luật.

2. Tra tấn, gây đau đớn về thể xác, giam hãm trong điều kiện tồi tệ hoặc dùng các biện pháp làm tổn thương về tinh thần đối với trẻ em vi phạm pháp luật.

Điều 12. Đặt cơ sở sản xuất, kho chứa thuốc trừ sâu, hoá chất độc hại, chất dễ gây cháy, nổ gần cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em

1. Đặt cơ sở sản xuất, kho chứa thuốc trừ sâu, hoá chất độc hại, chất dễ gây cháy, nổ trong phạm vi gây ảnh hưởng đến sức khoẻ và sự phát triển của trẻ em, có nguy cơ gây nguy hiểm đến tính mạng trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em hoặc ngược lại.

2. Đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh có chất thải độc hại, có tiếng ồn lớn vượt quá giới hạn cho phép trong phạm vi gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, sự phát triển, sự an toàn của trẻ em và hoạt động của cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em hoặc ngược lại.

Điều 13. Sử dụng cơ sở vật chất dành cho việc học tập, sinh hoạt, vui chơi, giải trí của trẻ em vào mục đích khác làm ảnh hưởng đến lợi ích của trẻ em

1. Sử dụng sai mục đích, làm hư hại cơ sở vật chất dành cho việc học tập, sinh hoạt, vui chơi, giải trí của trẻ em.

2. Lấn chiếm đất đai, công trình, nhà, diện tích, khu vực, thời gian sử dụng dành cho việc học tập, sinh hoạt, vui chơi, giải trí của trẻ em.

3. Không thực hiện, thực hiện không đúng, làm sai lệch quy hoạch cơ sở vật chất dành cho việc học tập, sinh hoạt, vui chơi, giải trí của trẻ em đã được phê duyệt.

Chương III

TRÁCH NHIỆM BẢO ĐẢM CÁC QUYỀN CƠ BẢN CỦA TRẺ EM

Điều 14. Đăng ký khai sinh cho trẻ em

1. Cha, mẹ, người giám hộ có trách nhiệm đi khai sinh cho trẻ em đúng thời hạn quy định. Việc khai sinh cho trẻ em được thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo cơ quan Tư pháp phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp tuyên truyền để cha, mẹ, người giám hộ, người hoặc tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em đi khai sinh cho trẻ em đúng quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp để đăng ký khai sinh cho trẻ em đúng quy định tại những khu vực có điều kiện đi lại khó khăn, người dân còn bị ảnh hưởng bởi những phong tục, tập quán lạc hậu.

Điều 15. Xác định cha, mẹ cho trẻ em

1. Trẻ em chưa xác định được cha, mẹ, nếu có yêu cầu xác định của trẻ em thông qua người giám hộ hoặc của người giám hộ, kể cả trường hợp cha, mẹ đã chết thì được Toà án xác định cha, mẹ theo quy định của pháp luật. Việc xác định cha, mẹ cho trẻ em phải được xem xét trên cơ sở lợi ích tốt nhất của trẻ em.

2. Cha, mẹ, người giám hộ, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự có quyền yêu cầu Toà án xác định cha, mẹ cho trẻ em.

3. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp khi nhận được yêu cầu xác định cha, mẹ cho trẻ em có trách nhiệm tìm hiểu, xác minh, xem xét lợi ích của trẻ em và yêu cầu Toà án xác định cha, mẹ cho trẻ em.

Điều 16. Bảo đảm lợi ích của trẻ em khi phải sống cách ly cha, mẹ

1. Cha, mẹ đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù thì trẻ em phải sống cách ly cha, mẹ và được chăm sóc thay thế. Trong trường hợp người mẹ nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi nhưng đang phải chấp hành hình phạt tù thì được bố trí thời gian phù hợp để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại địa bàn có trại tạm giam, trại giam chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em tiếp nhận, nuôi dưỡng trẻ em từ đủ ba mươi sáu tháng tuổi trở lên khi cha, mẹ là người bị tạm giam, phạm nhân trong trại tạm giam, trại giam đó nếu không có thân nhân của trẻ em nhận nuôi dưỡng, chăm sóc.

2. Cha, mẹ bị Toà án quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con là trẻ em thì trong thời gian thi hành quyết định của Toà án, trẻ em được giúp đỡ, bảo vệ; trường hợp Toà án quyết định không cho cha, mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trẻ em phải sống cách ly cha, mẹ và được chăm sóc thay thế.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức việc chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng thay thế đối với trẻ em phải sống cách ly cha, mẹ theo các hình thức: giao cho thân nhân của trẻ em, giao cho gia đình chăm sóc thay thế, giao cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em tại địa phương để chăm sóc thay thế.

4. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp có trách nhiệm xác minh điều kiện, hoàn cảnh sống, khả năng kinh tế của người thân, gia đình chăm sóc thay thế, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em để đề xuất thân nhân, gia đình, cơ sở chăm sóc thay thế cho trẻ em phải sống cách ly cha,

mẹ; kiểm tra điều kiện sống của trẻ em phải sống cách ly cha, mẹ sau khi giao cho thân nhân, gia đình, cơ sở chăm sóc thay thế. Việc đưa trẻ em phải sống cách ly cha, mẹ vào sống tại các cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở bảo trợ xã hội chỉ được coi là giải pháp cuối cùng khi không tìm được thân nhân, gia đình chăm sóc thay thế.

5. Trong thời gian trẻ em ở các cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở bảo trợ xã hội, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện, cha, mẹ của trẻ em có trách nhiệm thường xuyên thăm hỏi, động viên, giúp đỡ trẻ em; các cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở bảo trợ xã hội, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện phải tạo điều kiện để trẻ em giữ mối liên hệ với gia đình và được tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Điều 17. Bảo vệ trẻ em trong trường hợp cha, mẹ có hành vi vi phạm quyền trẻ em quy định tại Chương II Nghị định này

1. Tòa án quyết định hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con là trẻ em nếu cha, mẹ có hành vi vi phạm quyền trẻ em, làm tổn hại đến sự phát triển bình thường của trẻ em theo tính chất và mức độ của hành vi vi phạm.

2. Trách nhiệm bảo đảm an toàn và sự phát triển bình thường của trẻ em trong trường hợp cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con là trẻ em:

a) Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự có quyền yêu cầu Tòa án hoặc đề nghị Viện Kiểm sát yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con là trẻ em. Các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự có quyền đề nghị Viện Kiểm sát xem xét, yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con là trẻ em.

b) Trong trường hợp khẩn cấp, cần phải bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự và lợi ích hợp pháp của trẻ em khi chưa có quyết định của Tòa án, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tạm thời giao trẻ em cho thân nhân nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; trong trường hợp không có thân nhân thì giao trẻ em cho gia đình chăm sóc thay thế hoặc cho cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở bảo trợ xã hội.

c) Sau khi có quyết định của Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con là trẻ em hoặc trong trường hợp khẩn cấp, việc tổ chức chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng thay thế đối với trẻ em được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 16 Nghị định này.

Điều 18. Trách nhiệm bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự của trẻ em

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông tin cho cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, công chức chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã khi phát hiện các nguy cơ, hành vi ngược đãi, xâm hại tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự trẻ em.

2. Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp, công chức chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, xác minh các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các nguy cơ, hành vi ngược đãi, xâm hại tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự trẻ em.

3. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan cùng cấp có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc tuyên truyền, giáo dục kỹ năng bảo vệ trẻ em, phòng ngừa ngược đãi, xâm hại, bạo lực, trừng phạt trẻ em cho cha, mẹ, người giám hộ, công chức chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã, giáo viên trong các cơ sở giáo dục và trẻ em.

4. Cha, mẹ, người giám hộ, các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em; xây dựng và công bố các tiêu chuẩn an toàn, phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ em ở gia đình, nơi công cộng.

Điều 19. Trách nhiệm bảo đảm quyền của trẻ em được tiếp cận thông tin phù hợp với sự phát triển

1. Cha, mẹ, người giám hộ, các cơ quan thông tin đại chúng, cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, văn hoá, tổ chức xã hội, cơ sở dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để trẻ em được tiếp cận các nguồn thông tin phù hợp với lứa tuổi, giới tính và sự phát triển của trẻ em.

2. Các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, văn hoá, tổ chức xã hội, cơ sở dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có trách nhiệm công khai thông tin về tổ chức, hoạt động của đơn vị mình thông qua các hình thức phù hợp.

3. Các thông tin mà trẻ em được tiếp cận, được cung cấp phải vì lợi ích của trẻ em, không xâm hại, không ảnh hưởng tới sự phát triển của trẻ em.

Điều 20. Trách nhiệm bảo đảm quyền của trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về những vấn đề trẻ em quan tâm

1. Cha, mẹ, người giám hộ, các cơ quan thông tin đại chúng, cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, văn hoá, tổ chức xã hội, cơ sở dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về những vấn đề trẻ em quan tâm.

2. Cơ quan xây dựng pháp luật, chính sách về trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em phải nghiên cứu, tham khảo ý kiến của trẻ em. Diễn đàn trẻ em là hoạt động đại diện của trẻ em nói lên ý kiến, nguyện vọng của trẻ em hoặc để các cơ quan, tổ chức lấy ý kiến của trẻ em về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

3. Các ý kiến, nguyện vọng của trẻ em gửi đến cơ quan, tổ chức, cơ sở có liên quan phải được trả lời, được giải thích, được đáp ứng trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cơ sở đó.

4. Các hoạt động bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phải vì lợi ích của trẻ em và phù hợp với sự phát triển của trẻ em.

5. Không lợi dụng các hoạt động bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của trẻ em vào các mục đích gây áp lực, khiêu khích, biểu tình, kinh doanh trái pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm bảo đảm quyền của trẻ em được tham gia hoạt động xã hội

1. Cha, mẹ, người giám hộ, các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, cơ sở giáo dục, văn hoá, tổ chức xã hội, cơ sở dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có trách nhiệm tạo điều kiện cho trẻ em tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với năng lực, lứa tuổi và giới tính của trẻ em.

2. Các hoạt động xã hội của trẻ em phải vì lợi ích của trẻ em, của xã hội và không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ em.

3. Không được lợi dụng sự tham gia hoạt động xã hội của trẻ em và các hoạt động xã hội có sự tham gia của trẻ em vào các mục đích gây áp lực, khiêu khích, biểu tình, kinh doanh trái pháp luật, lạm dụng và xâm hại trẻ em.

Điều 22. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động có sự tham gia của trẻ em

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến, tham gia hoạt động xã hội của trẻ em và các hoạt động khác có sự tham gia của trẻ em; đình chỉ hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ các hoạt động có sự tham gia của trẻ em nhưng không vì lợi ích của trẻ em, lạm dụng, xâm hại trẻ em; xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi ngăn cản trẻ em được tiếp cận thông tin phù hợp, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về những vấn đề liên quan, tham gia hoạt động xã hội.

Chương IV BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Điều 23. Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở cơ sở

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn, bao gồm:

1. Lập hồ sơ theo dõi diễn biến và xây dựng kế hoạch hỗ trợ, phục hồi, hoà nhập cho từng trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Vận động cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tình nguyện hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không nơi nương tựa, không còn nguồn nuôi dưỡng làm con nuôi, nhận làm gia đình chăm sóc thay thế hoặc nhận đỡ đầu. Trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình, gia đình chăm sóc thay thế thì làm thủ tục gửi trẻ em đó đến cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở bảo trợ xã hội.

3. Tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn kỹ năng cho cha, mẹ, người giám hộ, các thành viên gia đình, người tham gia chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt về biện pháp giải quyết, giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt, phục hồi sức khoẻ, tinh thần, giáo dục đạo đức và tái hoà nhập phù hợp với hoàn cảnh đặc biệt của trẻ em.

4. Thực hiện chính sách bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, liên hệ với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để ngăn chặn nguy cơ vi phạm quyền trẻ em; phát hiện, xác minh, xử lý hành vi để trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ, phục hồi cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quản lý, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm:

1. Tổ chức, quản lý công tác thu thập, xử lý, phân tích thông tin, số liệu về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo từng nhóm đối tượng, mức độ hoàn cảnh đặc biệt, loại hình trợ giúp; lập báo cáo tình hình trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Lập kế hoạch và hướng dẫn việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, bảo đảm mọi trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, có cơ hội phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức, hoà nhập với gia đình, xã hội.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, chế độ hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

4. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quyền trẻ em; hạn chế, giảm nhẹ hoàn cảnh đặc biệt của trẻ em; phục hồi sức khỏe, tinh thần và giáo dục đạo đức cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

5. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ, chính sách, biện pháp, tiêu chuẩn, quy trình chuyên môn, kỹ thuật và các quy định khác trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Điều 25. Quản lý, trợ giúp trẻ em vi phạm pháp luật đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan có liên quan, tổ chức xã hội nơi có trẻ em vi phạm pháp luật đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt thực hiện các biện pháp cụ thể để quản lý, trợ giúp trẻ em tiến bộ và tái hoà nhập gia đình, xã hội.

2. Trẻ em vi phạm pháp luật đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt mà không có nơi nương tựa được đưa vào cơ sở trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

3. Ủy ban nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, tổ chức xã hội, cá nhân vận động người tình nguyện có kinh nghiệm, có phương pháp giáo dục, hiểu tâm lý trẻ em nhận giáo dục, đỡ đầu, chăm sóc thay thế hoặc nhận tổ chức, quản lý cơ sở trợ giúp trẻ em vi phạm pháp luật đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt.

4. Ủy ban nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan vận động các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ kinh phí cho trẻ em, cơ sở trợ giúp trẻ em nhận hoặc tạo điều kiện để trẻ em được học văn hoá, học nghề hoặc có việc làm phù hợp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chính sách khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nhận trẻ em vào học tập, làm việc hoặc hỗ trợ kinh phí cho trẻ em, cho cơ sở trợ giúp trẻ em.

5. Cha, mẹ, người giám hộ có trách nhiệm đóng góp một phần kinh phí theo thoả thuận với cơ sở trợ giúp trẻ em vi phạm pháp luật để nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em trong trường hợp trẻ em vi phạm pháp luật đã chấp hành xong thời hạn giáo dục hoặc hình phạt tuy còn nơi nương tựa nhưng chưa thể tái hoà nhập ngay với gia đình; đóng góp một phần kinh phí theo thoả thuận với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận trẻ em vào học văn hoá, học nghề nếu được yêu cầu.

Điều 26. Các cơ sở trợ giúp trẻ em

1. Cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung riêng biệt:

a) Cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung riêng biệt thực hiện việc chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chuyên môn sâu: chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật không có khả năng tham gia giáo dục hòa nhập; giáo dục trẻ em vi phạm pháp luật; cai nghiện cho trẻ em nghiện ma tuý; nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em thuộc đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Tổ chức và hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung riêng biệt được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Công an, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn việc cấp phép, xây dựng và công bố quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc quyền quản lý.

2. Cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung ngành, lĩnh vực:

a) Cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung ngành, lĩnh vực thuộc các ngành, lĩnh vực sau: khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giáo dục; dạy nghề, tạo việc làm; văn hoá, thể thao.

b) Tổ chức và hoạt động của các cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung ngành, lĩnh vực được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, quy định của pháp luật đối với ngành, lĩnh vực.

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn việc cấp phép; xây dựng và công bố quy chuẩn kỹ thuật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc quyền quản lý.

3. Cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung hỗn hợp:

a) Cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung hỗn hợp có hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực; hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục thay thế cho nhiều nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc

biệt; tư vấn về kiến thức, kỹ năng cho trẻ em, cha, mẹ, người giám hộ, người chăm sóc, giáo dục trẻ em; trợ giúp chữa bệnh; trị liệu tâm lý; giáo dục hoà nhập, dạy nghề, tạo việc làm; tổ chức hoạt động xã hội.

b) Tổ chức và hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung hỗn hợp được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, quy định của pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động trợ giúp trẻ em.

c) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan có trách nhiệm quản lý và hướng dẫn việc cấp phép; xây dựng và công bố quy chuẩn kỹ thuật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động theo nội dung hỗn hợp, bảo đảm mọi cơ sở trợ giúp trẻ em đều được quản lý và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quản lý nhà nước đối với cơ sở trợ giúp trẻ em

1. Ủy ban nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn theo quy định sau đây:

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện quy hoạch chung để bảo đảm các loại cơ sở trợ giúp trẻ em phù hợp với các đối tượng trẻ em trên địa bàn, tạo điều kiện cho mọi trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có cơ hội được phục hồi sức khỏe, tinh thần và được giáo dục đạo đức; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không còn nơi nương tựa được chăm sóc, nuôi dưỡng tại gia đình chăm sóc thay thế hoặc tại cơ sở trợ giúp trẻ em.

b) Kiểm tra, thanh tra việc tổ chức và hoạt động của các cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn, bảo đảm mọi cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động đúng mục đích và theo quy định của pháp luật.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, thực hiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở trợ giúp trẻ em thuộc quyền quản lý theo quy định sau đây:

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển các cơ sở trợ giúp trẻ em hoạt động vì mục đích bảo vệ và thực hiện quyền trẻ em.

b) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chế độ, chính sách, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho hoạt động trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và những người bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

c) Cung cấp thông tin, hướng dẫn nghiệp vụ, đào tạo cán bộ cho các cơ sở trợ giúp trẻ em.

d) Quyết định thành lập, cấp giấy phép hoạt động, giải thể, đình chỉ hoạt động đối với cơ sở trợ giúp trẻ em.

đ) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật đối với việc tổ chức và hoạt động của cơ sở trợ giúp trẻ em; sơ kết, tổng kết về tổ chức và hoạt động của các cơ sở trợ giúp trẻ em.

Điều 28. Quỹ bảo trợ trẻ em

1. Quỹ bảo trợ trẻ em được thành lập nhằm mục đích vận động sự đóng góp tự nguyện của các cơ quan, tổ chức và cá nhân ở trong nước và nước ngoài, viện trợ quốc tế và hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Quỹ bảo trợ trẻ em được thành lập ở cấp nào do cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp đó quản lý và sử dụng vào việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, không được dùng vào mục đích khác.

3. Quỹ bảo trợ trẻ em hoạt động theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận; tôn trọng mục đích đóng góp; công khai các nguồn thu và các khoản chi; khai thác, tiếp nhận, phát triển và sử dụng nguồn vốn theo kế hoạch hoạt động được phê duyệt, theo yêu cầu của nhà tài trợ; không được sử dụng Quỹ để hoạt động trái pháp luật.

4. Quỹ bảo trợ trẻ em được sử dụng để chi hỗ trợ: trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi; trẻ em khuyết tật, tàn tật; trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học; trẻ em nhiễm HIV/AIDS; trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại; trẻ em phải làm việc xa gia đình; trẻ em lang thang; trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em nghiện ma tuý; trẻ em vi phạm pháp luật; trẻ em mắc các bệnh nặng, hiểm nghèo cần chi phí điều trị cao; trẻ em miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, vùng bị thiên tai, dịch bệnh; trẻ em thuộc gia đình nghèo; công tác quản lý Quỹ.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em theo những nội dung quản lý nhà nước được phân công.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược, chương trình, kế hoạch, biện pháp bảo vệ, chăm sóc trẻ em; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở trung ương tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, biện pháp, mô hình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

3. Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách về bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

5. Tổ chức thu thập, xử lý và công bố thông tin, số liệu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và thực hiện quyền trẻ em trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và thực hiện quyền trẻ em; thực hiện hợp tác quốc tế về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và thực hiện quyền trẻ em trong phạm vi quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và công bố các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, định mức về bảo vệ và chăm sóc trẻ em thuộc thẩm quyền quản lý; về hoạt động của các cơ sở trợ giúp trẻ em, cơ sở bảo trợ xã hội có nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em thuộc thẩm quyền quản lý.

7. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình đào tạo trong các trường dạy nghề liên quan đến trẻ em; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy hoạch, xây dựng mạng lưới cơ sở dạy nghề liên quan đến trẻ em.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt phục hồi, hoà nhập gia đình, xã hội.

9. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn việc giáo dục trẻ em về bốn phận của trẻ em, những việc trẻ em không được làm, kỹ năng sống của trẻ em.

10. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan khác có liên quan kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng Quỹ bảo trợ trẻ em.

11. Phối hợp với Bộ Công an trong việc xây dựng chương trình giáo dục hướng nghiệp, hướng dẫn việc tổ chức dạy nghề trong trường giáo dưỡng.

12. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em theo thẩm quyền.

Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan huy động các nguồn vốn viện trợ, vốn vay quốc tế cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

3. Công bố một số chỉ tiêu thống kê quốc gia về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Bố trí kinh phí thực hiện các chính sách, chương trình, đề án và các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc quản lý và sử dụng Quỹ bảo trợ trẻ em.

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Hướng dẫn việc củng cố và nâng cao chất lượng của mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em; hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em; từng bước thực hiện việc khám sức khoẻ định kỳ và lập sổ theo dõi sức khoẻ cho trẻ em; đặc biệt quan tâm đến trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em khuyết tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học, trẻ em nhiễm HIV, trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em nghiện ma tuý, trẻ em bị tai nạn, thương tích.

2. Bảo đảm việc cung cấp đủ thuốc có chất lượng phục vụ việc phòng bệnh, chữa bệnh cho trẻ em; điều kiện và chất lượng phòng bệnh, khám bệnh, phát hiện bệnh, chữa bệnh, cấp cứu và vận chuyển cấp cứu; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, số lượng và chất lượng cán bộ y tế nhi khoa.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em; bảo đảm cho trẻ em dưới sáu tuổi được khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; khám bệnh định kỳ cho những người làm công việc thường xuyên tiếp xúc với trẻ em; hướng dẫn cha, mẹ, người giám hộ phòng bệnh cho trẻ em.

4. Công bố một số chỉ tiêu thống kê quốc gia về y tế và chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy hoạch, xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Xây dựng, ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông nhằm bảo đảm điều kiện cần thiết cho việc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng chương trình tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; xây dựng chương trình hướng nghiệp; xây dựng chính sách miễn, giảm học phí và các biện pháp trợ giúp phù hợp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được học tập hoà nhập; quy định chương trình giáo dục đối với các cơ sở giáo dục dành cho trẻ em khuyết tật.

4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan quy định chương trình giáo dục đối với các trường, lớp năng khiếu dành cho trẻ em.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế xây dựng và thực hiện chương trình y tế học đường; chỉ đạo thực hiện quy định về hoạt động y tế trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

7. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý đồ chơi trẻ em trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra cơ sở giáo dục trong việc trang bị, quản lý, sử dụng đồ chơi trẻ em trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

8. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn việc giáo dục trẻ em về bốn phạm vi của trẻ em, những việc trẻ em không được làm, về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, văn hoá gia đình, kỹ năng sống của trẻ em trong các cơ sở giáo dục.

9. Công bố một số chỉ tiêu thống kê quốc gia về giáo dục và đào tạo liên quan đến trẻ em theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch ưu tiên và khuyến khích đầu tư đáp ứng nhu cầu văn hoá, văn học, nghệ thuật, thể dục, thể thao, tăng cường thể lực, vui chơi, giải trí, du lịch phù hợp với sự phát triển của trẻ em và tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

2. Quản lý, tổ chức việc sáng tác văn học, nghệ thuật và xây dựng các chương trình, tiết mục nghệ thuật, sân khấu, ca nhạc, biểu diễn cho trẻ em và về trẻ em; quy định tỷ lệ sản phẩm dành cho trẻ em trong tổng số tác phẩm, văn hoá phẩm, chương trình, tiết mục thực hiện hằng năm; quản lý và hướng dẫn việc sử dụng dụng cụ thể dục, thể thao cho trẻ em.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn việc sử dụng thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hoá, nhà hát, rạp chiếu phim, điểm vui chơi, giải trí, cơ sở thể dục, thể thao dành cho trẻ em; trường hợp chưa có điều kiện xây dựng công trình dành riêng cho trẻ em trên địa bàn thì quy định phải dành ít nhất 20% thời gian sử dụng các công trình chung để phục vụ nhu cầu phù hợp của trẻ em hoặc có khu vực dành riêng cho trẻ em với trang thiết bị phù hợp. Trong kinh phí hoạt động thể thao quần chúng, dành một phần kinh phí cho hoạt động thể thao quần chúng của trẻ em. Có chính sách ưu tiên cho trẻ em thăm quan danh lam thắng cảnh, đi du lịch, sử dụng các cơ sở thể dục, thể thao.

4. Quy định những sản phẩm văn hoá, những chương trình, tiết mục nghệ thuật, sân khấu, ca nhạc, biểu diễn không dành cho trẻ em hoặc chỉ dành cho từng lứa tuổi trẻ em.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức các hoạt động văn hoá, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với lứa tuổi và sự phát triển về thể lực, trí tuệ, tinh thần của trẻ em.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn việc giáo dục trẻ em về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, văn hoá gia đình.

7. Công bố một số chỉ tiêu thống kê quốc gia về gia đình, văn hoá, thể dục, thể thao, du lịch liên quan đến trẻ em theo quy định của pháp luật.

8. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch dành cho trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em thuộc thẩm quyền của Bộ để bảo đảm yêu cầu giáo dục, tâm lý, sinh lý lứa tuổi và an toàn cho trẻ em.

Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nhà báo Việt Nam và các Bộ, ngành, đoàn thể liên quan xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển báo chí, xuất bản, thông tin dành cho trẻ em thuộc thẩm quyền, đáp ứng nhu cầu thông tin, giáo dục, giải trí, bày tỏ ý kiến phù hợp với sự phát triển của trẻ em.

2. Xây dựng, ban hành, kiểm tra việc thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo chí, xuất bản, viễn thông, internet, phát thanh, truyền hình dành cho trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em thuộc thẩm quyền để bảo đảm lợi ích cho trẻ em, không lạm dụng, xâm hại trẻ em.

3. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thông tin và truyền thông dành cho trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em thuộc thẩm quyền.

Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch hướng dẫn, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm hại trẻ em và trẻ em vi phạm pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý, giáo dục trẻ em vi phạm pháp luật bị đưa vào trường giáo dưỡng hoặc trại tạm giam, trại giam; bảo đảm các điều kiện vật chất và tinh thần cần thiết cho trẻ em trong trường giáo dưỡng, trại tạm giam, trại giam; phối hợp với Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm quyền và lợi ích của trẻ em theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo việc thực hiện quản lý nhà nước về cư trú để tạo điều kiện cho trẻ em được thực hiện các quyền của trẻ em tại nơi cư trú.

4. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình giáo dục cho trường giáo dưỡng.

Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Chỉ đạo, tổ chức việc đăng ký hộ tịch, quốc tịch cho trẻ em, bảo đảm cho trẻ em được đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật.
2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và các cơ quan khác có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về nuôi con nuôi.
4. Làm đầu mối phối hợp tổ chức, thực hiện việc phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân địa phương việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định nhu cầu sử dụng đất để xây dựng các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, dịch vụ, điểm vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho trẻ em theo quy định của pháp luật về đất đai.
2. Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường của các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, cơ sở trợ giúp trẻ em, điểm vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao dành cho trẻ em theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

Xây dựng, ban hành, kiểm tra việc thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, dịch vụ, điểm vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho trẻ em; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn của công trình xây dựng dành cho trẻ em, công trình công cộng phù hợp với trẻ em.

Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

Xây dựng, ban hành, kiểm tra việc thực hiện chính sách ưu tiên cho trẻ em khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện, công trình giao thông phù hợp với trẻ em.

Điều 41. Trách nhiệm của các Bộ, ngành khác

Các Bộ, ngành khác, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 42. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong phạm vi địa phương.
2. Chịu trách nhiệm thực hiện mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở địa phương; tổ chức phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan ở địa phương trong việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
3. Ban hành một số chính sách, chế độ phù hợp với đặc điểm của địa phương để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
4. Tổ chức thực hiện các biện pháp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Bố trí đủ công chức, viên chức làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở địa phương; phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghiên cứu, xây dựng mạng lưới công tác viên, tình nguyện viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cơ sở. Bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí để bảo đảm thực hiện các mục tiêu vì trẻ em, các quyền của trẻ em ở địa phương.
5. Huy động nguồn lực để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở địa phương.
6. Kiểm tra, thanh tra, đánh giá và định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở địa phương.

**Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 43. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2011.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 44. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). TR 290

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng